



tái yuán

苔原

noun · tundra

Example Sentences

tái yuán qì hòu hěn hán lěng

苔原气候很寒冷。

The tundra climate is very cold.

běi jí dì qū yǒu dà piàn de tái yuán

北极地区有大片的苔原。

There are large areas of tundra in the Arctic region.

tái yuán zhí bèi yǐ dī ǎi de guàn mù hé tái xiǎn wéi zhǔ

苔原植被以低矮的灌木和苔藓为主。

Tundra vegetation mainly consists of low shrubs and moss.

Trace each character, then write the word on your own.

苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔	苔
原	原	原	原	原	原	原	原	原	原	原
原	原									